

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 590/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Ông Tạ Văn Ph – Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Số D đường Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Cẩm G – Sinh năm: 1999

Địa chỉ: Số C đường Nguyễn Bình, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 86, 107, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Tạ Văn Ph và bà Lê Thị Cẩm Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Văn Ph và bà Lê Thị Cẩm G thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 11/9/2017).

- Về con chung: Có 01 con chung là Tạ Lê Hoàng M – Sinh ngày 08/5/2018.

Hai bên thỏa thuận giao con chung là trẻ Tạ Lê Hoàng M cho bà Lê Thị Cẩm G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Tạ Văn Ph và bà Lê Thị Cẩm G thỏa thuận ông Tạ Văn Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi trẻ Tạ Lê Hoàng M đủ 18 tuổi, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 02/2021 vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, đến hạn cấp dưỡng và bà Lê Thị Cẩm G có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Tạ Văn Ph chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông Tạ Văn Ph còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bà Lê Thị Cẩm G có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Tạ Văn Ph đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (HGT) ly hôn ông Tạ Văn Ph phải nộp 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng và án phí về cấp dưỡng ông Tạ Văn Ph phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Án phí dân sự sơ thẩm (HGT) ly hôn bà Lê Thị Cẩm G phải nộp 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Tạ Văn Ph tự nguyện nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phong đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0073239 ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Ông Tạ Văn Ph đã đóng đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Thúy**